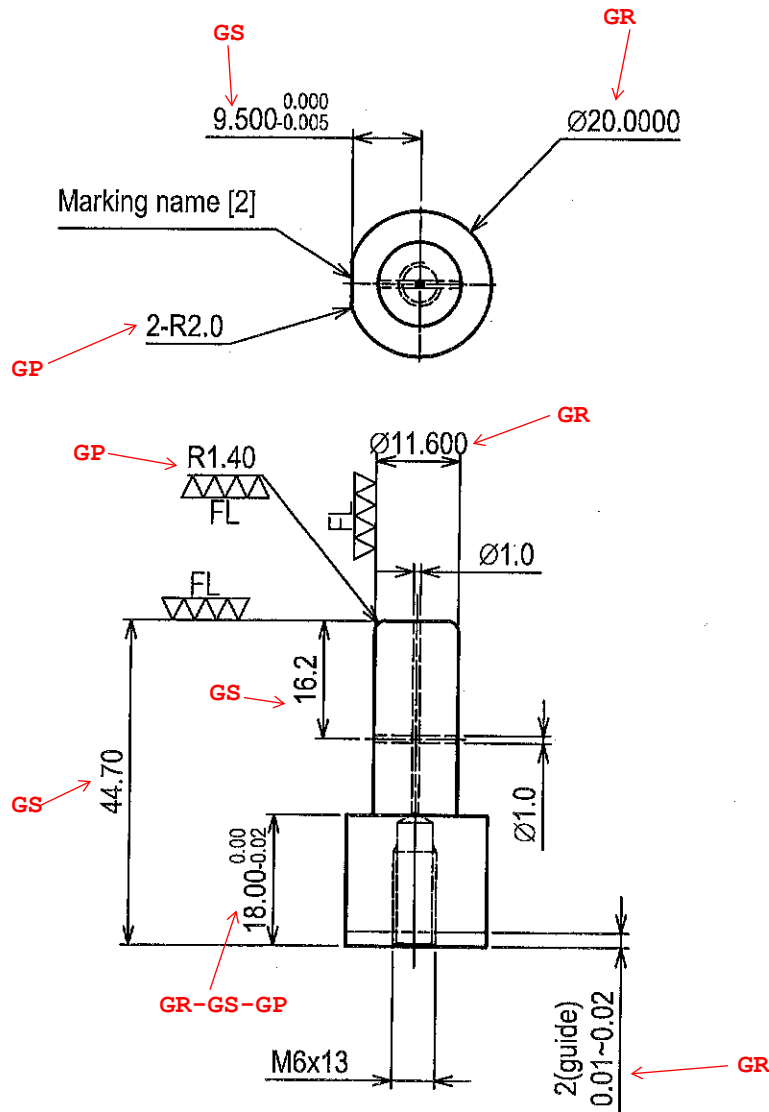



REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2021/03/18	新規設計	DGA-1976	Wan_Zhi_Lun	Wan_Zhi_Lun	Wang_Wei	0.0000	± 0.002	0.000 ⁺⁰	⁺⁰
△							0.000	± 0.005	0.000 ⁻⁰	^{+0.005}
△							0.00	± 0.01	0.00 ⁺⁰	⁺⁰
△							0.0	± 0.1	0.00 ⁻⁰	^{+0.01}
							0.	± 0.2	0.0 ⁺⁰	⁺⁰
									0.0 ⁻⁰	^{+0.1}
										⁻⁰
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
							FINISH MARKS			
							<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> G FL </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> ▽▽▽ (▽▽▽) </div>			



S CHUẨN

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Wang_Wei	WC(D30/HIP)		部品図	パンチ
DSGND.	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	PUNCH
Wan_Zhi_Lun		1:1	部品図	冲头
			部品圖	沖頭
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Wan Zhi Lun	HRC ~	A4V	2021/03/18	R417989

GANG-2021 VHU BOP

SNO: **R419989**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP R417989	GR:90 GS:60 GP:60 AF:20 KT